

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và ông Lương Ngọc Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim B, sinh năm 1975;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Các bên đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Kim B kết hôn ngày 25/6/2004. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh B và gia đình anh B ở trong Đắk Lắk ngay. Đến năm 2013 thì vợ chồng anh chị về sinh sống tại thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B ham chơi cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thậm trí xảy ra xô xát. Chị và gia đình hai bên khuyên bảo anh B nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm vào tháng 5/2019, anh B ham chơi nợ nần nhiều nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, bất đồng quan điểm. Chị đã làm đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xin ly hôn nhưng sau được gia đình hai bên hòa giải, dàn xếp nên chị đã rút đơn về cho anh B có cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên anh B vẫn không thay đổi. Từ tháng 5/2019 anh B bỏ nhà đi nơi khác không còn sinh sống cùng chị nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Kim B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con là Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 11/4/2002 và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/5/2005. Cháu Giang hiện đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Kim N cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tiền cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Anh Nguyễn Kim B sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho anh B tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và giao cho chị Nguyễn Thị Trà G là con gái anh B nhận và đã thông báo cho anh B biết việc chị H xin ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang tuy nhiên anh B không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án nên Tòa án không lấy lời khai của anh B được.

Tại phiên tòa anh chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Kim B vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên HĐXX xét xử vắng mặt các bên là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Kim B.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/5/2005.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 03/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Nguyễn Kim B, yêu cầu anh B đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh B không đến. Tòa án tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị Trà G là con gái anh B cũng như xác minh tại thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cho thấy: Kể từ tháng 5/2019 anh B đã bỏ nhà đi, anh B có liên lạc về cho chị Giang và nói đang sinh sống ở trong miền Nam nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể, chị Giang đã thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh B biết, anh B cho biết do anh đi làm xa không về được, anh đồng ý ly hôn và không về Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án được. Chị H khi làm đơn khởi kiện đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của anh B cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 BLTTDS năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Đây thuộc trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, của người bị kiện thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú hoặc

nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh B. Ngày 02/8/2021 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng anh B vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời niêm yết quyết định hoãn phiên tòa đối với anh B.

Tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Kim B kết hôn từ 25/6/2004, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn là do sau khi kết hôn khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt cuộc sống thường ngày dẫn đến bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra gay gắt, vợ chồng ly thân và chấm dứt quan hệ từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, kể từ khi ly thân vợ chồng cùng hai bên gia đình không hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương nơi chị H, anh B cư trú cho thấy anh B hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang không chuyển, xin tạm vắng tạm trú ở nơi khác. Từ tháng 5/2019 anh B đã bỏ đi, từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng chị H nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế vợ chồng chị H và anh B xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Thực tế kể từ khi ly thân hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Kim B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh B có 2 con chung là Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 11/4/2002 hiện đã đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/5/2005. Nay ly hôn chị H đề nghị được nuôi con là Nguyễn Kim N, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với chị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế hiện nay cháu N đang sinh sống cùng chị H, cuộc sống của cháu được đảm bảo, ổn định, phát triển tốt và học tập tốt. Hiện nay anh B vắng mặt tại nơi cư trú, chị H có thu nhập ổn định hàng tháng đảm bảo lo đời sống cho cháu N. Mặt khác cháu Nam cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kim N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu do vậy không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Kim B.

- Về con chung: Giao cho Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/5/2005.

- Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo

biên lai thu số: AA/2019/0000074 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã P, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Tân Thịnh